

SE.31300 SƠN DẢI PHÂN CÁCH, DÁN MÀNG PHẢN QUANG ĐẦU DẢI PHÂN CÁCH

Thành phần công việc:

Vệ sinh dải phân cách. Sơn trắng đỏ 3 nước theo đúng yêu cầu kỹ thuật (đối với sơn giải phân cách); Cạo dũa, chà láng phần diện tích cần dán, cắt màng phản quang dán vào đầu dải phân cách (đối với dán màng phản quang). Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sơn dải phân cách		Dán màng phản quang đầu dải phân cách
				Sơn mới	Sơn lại	
SE.313	Sơn dải phân cách, dán màng phản quang	<i>Vật liệu</i>				
		Màng phản quang	m ²	-	-	1,1
		Sơn màu	kg	0,47	0,39	-
		Vật liệu khác	%	1	1	-
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	0,22	0,26	0,40
				10	20	30

SE.31400 SƠN BIỂN BÁO VÀ CỘT BIỂN BÁO BẰNG THÉP

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cạo bỏ lớp sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt, sơn biển báo, cột biển báo đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				2 nước	3 nước
SE.314	Sơn biển báo, cột biển báo bằng thép	<i>Vật liệu</i>			
		Sơn	kg	0,16	0,22
		Vật liệu khác	%	2	2
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,11	0,16
				10	20

SE.31500 SƠN CỌC H, CỘT KM BÊ TÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cạo bỏ lớp sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt, sơn cọc H, cột Km bằng thủ công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Cọc H	Cột Km
SE.315	Sơn cọc H, cột Km bằng bê tông	<i>Vật liệu</i>			
		Sơn	kg	0,8	0,8
		Vật liệu khác	%	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,26	0,42
				10	20

SE.31600 SƠN CỌC TIÊU, CỌC MLG, CỘT THỦY CHÍ BÊ TÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, cạo rửa sơn cũ, làm vệ sinh bề mặt, sơn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.316	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí bê tông	<i>Vật liệu</i>		
		Sơn lót	kg	0,80
		Sơn màu	kg	0,05
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,20
				10

SE.31700 SƠN VỎ TỦ ĐIỀU KHIỂN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, giám sát an toàn, đánh rỉ, sơn 3 lớp (1 lớp chống rỉ, 2 lớp sơn màu) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh, dọn dẹp hiện trường; kiểm tra an toàn, đóng nguồn điện, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.317	Sơn vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		Sơn chống rỉ	kg	0,25
		Sơn màu	kg	0,50
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,43
				10

SE.32110 NẮN SỬA CỌC TIÊU, CỌC MLG, CỘT THỦY CHÍ

Thành phần công việc

Chuẩn bị, dựng lại cột, trụ bị nghiêng, đổ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cọc, cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.321	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí	<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,05
				11

SE.32120 NẮN SỬA CỘT KM

Thành phần công việc

Chuẩn bị, dựng lại cột bị nghiêng, đổ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.321	Nắn sửa cột km	<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,10
				21

SE.32130 NẮN CHỈNH, TU SỬA CỘT BIỂN BÁO

Thành phần công việc

Chuẩn bị, dựng nắn lại cột bị nghiêng, biển bị móp méo đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh bề mặt biển báo sáng sủa, rõ ràng, phát cây, thu dọn các chướng ngại vật che lấp biển báo. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.321	Nắn chỉnh, tu sửa cột biển báo	<i>Nhân công 3,0/7</i>	công	0,18
				31

SE.33100 THAY THỂ CỘT BIỂN BÁO

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, đào hố móng, tháo dỡ cột biển báo cũ bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển, lắp dựng cột biển báo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.331	Thay thế cột biển báo	<i>Vật liệu</i>		
		Cột biển báo	Cái	1
		Vữa bê tông	m ³	0,066
		<i>Nhân công 3,0/7</i>	Công	1,01
				10

SE.33200 THAY THỂ BIỂN BÁO

Thành phần công việc:

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, tháo dỡ biển báo cũ bị hư hỏng, đưa lên phương tiện vận chuyển, lắp dựng biển báo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.332	Thay thế biển báo	<i>Vật liệu</i>		
		Biển báo	Cái	1
		<i>Nhân công 3,0/7</i>	Công	0,1
				10

SE.33300 THAY THỂ CỌC TIÊU, CỌC MLG, H, CỘT THỦY CHÍ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, đào bỏ cọc bị hư hỏng, đào hố móng, dựng cọc mới, lấp đất móng cọc, căn chỉnh, trộn vữa bê tông, đổ móng cọc, vệ sinh hoàn thiện. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 1 cọc, cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.333	Thay thế cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí	<i>Vật liệu</i>		
		Cọc tiêu, cọc MLG, H, cột thủy chí...	bộ	1
		Vữa bê tông	m ³	0,04
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,44
				10

SE.33400 THAY THỂ TẮM CHỐNG CHÓI

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tháo dỡ tấm chống chói hư hỏng; lắp đặt các tấm chống chói mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh hoàn thiện. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 tấm

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.334	Thay thế tấm chống chói	<i>Vật liệu</i>		
		Tấm chống chói	tấm	1
		Bu lông	bộ	0,2
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,05
				10

SE.33500 THAY THỂ TRỤ DẸO

Thành phần công việc

Chuẩn bị, tháo dỡ trụ dẽo bị hư hỏng; lắp đặt các trụ dẽo mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh hoàn thiện. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 trụ

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.335	Thay thế trụ dèo	<i>Vật liệu</i>		
		Trụ dèo	trụ	1
		Bu lông	bộ	0,3
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,04
				10

SE.33600 THAY THỂ MẮT PHẢN QUANG

Thành phần công việc

Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, tháo dỡ mắt phản quang hư hỏng, lắp đặt mắt phản quang mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.336	Thay thế mắt phản quang	<i>Vật liệu</i>		
		Mắt phản quang	cái	1
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,02
				10

SE.33700 THAY THỂ VIÊN PHẢN QUANG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, vệ sinh hiện trường, tháo viên phản quang cũ, lấy dầu, vận hành lò nấu keo, trải keo, gắn viên phản quang đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, dọn dẹp công trường. Vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị: 1 viên

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mặt bê tông nhựa	Mặt bê tông xi măng
SE.337	Thay thể viên phản quang	<i>Vật liệu</i>			
		Viên phản quang	viên	1	1
		Keo Bituminous	kg	-	0,1
		Keo Megapoxy	kg	0,1	-
		Gas	kg	-	0,004
		Dầu DO	lít	-	0,001
		Vật liệu khác	%	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,055	0,058
		<i>Máy thi công</i>			
		Lò nung keo	ca	0,004	0,004
				10	20

SE.33800 THAY THỂ TRỤ, CỘT BÊ TÔNG DẢI PHÂN CÁCH

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tháo dỡ trụ, cột cũ cần thay thế, lắp đặt trụ, cột mới, nắn chỉnh lại các tấm sóng, lắp đặt lại tấm sóng, hoàn thiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trụ bê tông
SE.338	Thay thế trụ, cột bê tông dải phân cách	<i>Vật liệu</i>		
		Trụ, cột bê tông	cái	1
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,50
				10

SE.33900 THAY THỂ ỐNG THÉP D50, TẮM SÓNG DÀI PHÂN CÁCH

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, tháo dỡ ống thép, tắm sóng cũ cần thay thế, nắn chỉnh lại tắm sóng liền kề, lắp đặt ống thép, tắm sóng theo đúng yêu cầu kỹ thuật, sơn lại ống thép d50, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thay thế ống thép d50 (m)	Thay thế tắm tôn lượn sóng (tắm)
SE.339	Thay thế ống thép d50mm, tắm tôn lượn sóng	<i>Vật liệu</i>			
		Ống thép d50mm	m	1,05	-
		Sơn	kg	0,036	-
		Tắm sóng 3x47x4120 mm	tắm	-	1
		Bu lông M18x26	bộ	-	8
		Bu lông M20x30	bộ	-	1
		Vật liệu khác	%	1,5	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,20	1,50
				10	20

SE.35100 THAY MODULE ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo dây kết nối đến thiết bị, tháo dỡ module cần thay thế, lắp đặt module mới, đấu nối dây kết nối đến thiết bị, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, cắt điện, giám sát an toàn, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 modul

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công	Bảng xe nâng
SE.351	Thay module đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>			
		Modul đèn tín hiệu giao thông	cái	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,84	0,84
		<i>Máy thi công</i>			
		Xe nâng 12m	ca		0,21
				10	20

SE.35200 THAY DÂY LÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu nối dây lên đèn tại bảng điện cửa cột, tháo đầu nối dây lên đèn tại đèn tín hiệu, rút dây lên đèn cần thay thế, đo cắt dây lên đèn mới, luồn dây lên đèn mới, đấu nối dây lên đèn tại bảng điện cửa cột, đấu nối dây lên đèn tại đèn tín hiệu, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng thủ công	Bảng xe nâng
SE.352	Thay dây lên đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>			
		Dây cáp điện	m	1,02	1,02
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,035	0,028
		<i>Máy thi công</i>			
		Xe nâng 12m	ca		0,014
				10	20

SE.35300 THAY THỂ TỦ ĐIỀU KHIỂN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu cáp nguồn, tháo đầu cáp điều khiển, tháo dỡ tủ điều khiển tín hiệu giao thông cũ, lắp đặt tủ điều khiển tín hiệu giao thông mới, lắp đặt đầu cáp nguồn, lắp đặt đầu cáp điều khiển, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, kiểm tra và chạy thử, giám sát an toàn, cảnh giới và báo hiệu khu vực làm việc, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1tủ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.353	Thay thế tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		Tủ điều khiển giao thông	bộ	1
		<i>Nhân công</i>		
		Kỹ sư 4,0/8	công	0,125
		Công nhân 4,0/7	công	1,54
				10

SE.35400 THAY THỂ VỎ TỦ ĐIỀU KHIỂN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, tháo đầu cáp nguồn, tháo đầu cáp điều khiển, tháo dỡ tủ điều khiển tín hiệu giao thông cũ, lắp đặt vỏ tủ điều khiển tín hiệu giao thông mới, tháo dỡ, lắp đặt thiết bị trong tủ điều khiển, lắp đặt đầu cáp nguồn, lắp đặt đầu cáp điều khiển, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, kiểm tra và chạy thử, Giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 vỏ tủ

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.354	Thay thế vỏ tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		Vỏ tủ điều khiển giao thông	cái	1
		<i>Nhân công</i>		
		Kỹ sư 4,0/8	công	0,06
		Công nhân 4,0/7	công	1,22
				10

SE.35500 THAY THỂ CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, cảnh giới và báo hiệu khu vực, tháo bu lông chân cột, hạ cột xuống đất, chuyển cột mới vào sát vị trí móng cột, dựng cột vào vị trí lắp đặt, căn chỉnh cột cho thẳng, cố định cột, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, đóng điện, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

SE.35510 THAY THỂ CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG BẰNG THỦ CÔNG

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông bằng thủ công	<i>Vật liệu</i>		
		Cột đèn tín hiệu giao thông	cột	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,26
				10

SE.35520 THAY THỂ CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRÊN CỘT KHÔNG CÓ CÀN VƯỜN DỪNG CẦN TRỤC Ô TÔ

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột không có càn vườn dừng cần trục ô tô	<i>Vật liệu</i>		
		Cột đèn tín hiệu giao thông không càn vườn	cột	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,76
		<i>Máy thi công</i>		
		Cần trục ô tô loại 3 tấn	ca	0,39
				20

SE.35530 THAY CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRÊN CỘT CÓ CÀN VƯỜN DỪNG CẦN TRỤC Ô TÔ

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dài càn vườn	
				≤ 5m	> 5m
SE.355	Thay thế cột đèn tín hiệu giao thông trên cột có càn vườn dừng cần trục ô tô	<i>Vật liệu</i>			
		Cột đèn tín hiệu giao thông có càn vườn	cột	1	1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,97	2,45
		<i>Máy thi công</i>			
		Xe nâng 12m	ca	0,33	0,33
		Cần trục ô tô loại 3 tấn	ca	0,67	0,67
				31	32

SE.35600 THAY THỂ CÁP NGẦM ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, cắt điện, làm sạch hai đầu ống luồn cáp, tháo kết nối đầu cáp, tháo dỡ cáp ngầm cũ, đo, cắt cáp mới, kéo, rải cáp mới, đấu nối đầu cáp, kiểm tra an toàn, đóng điện, vận hành thử, vệ sinh dọn dẹp hiện trường, giám sát an toàn, vận chuyển trong phạm vi 100m. Đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

Đơn vị tính: 1 km

Mã hiệu	Công tác bảo dưỡng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.356	Thay thế cáp ngầm đèn tín hiệu giao thông	<i>Vật liệu</i>		
		Cáp ngầm	km	1,005
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	5,5
		<i>Máy thi công</i>		
		Cần trục ô tô loại 3 tấn	ca	0,03
				20

SE.40000 CÔNG TÁC SỬA CHỮA ĐƯỜNG SẮT**SE.40000 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT BẰNG THỦ CÔNG⁶⁰**

Hướng dẫn áp dụng:

Định mức áp dụng cho các đoạn tuyến thẳng. Trường hợp trong đường cong hoặc đoạn đường lên, xuống có độ dốc lớn hơn > 22‰ hoặc trên các đoạn đường lên, xuống dốc liên tục có độ dốc lớn (độ dốc và chiều dài dốc theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng) thì hao phí vật liệu được xác định theo thiết kế và tiêu chuẩn áp dụng.

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, bốc dỡ, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 1500m. Đặt đường, giạt nâng đường các đợt. Thu hồi vật liệu vận chuyển về ga.

SE.41000 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ 1,00M**SE.41100 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ 1,00M, TÀ VỆT GỖ⁶¹**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tà vẹt gỗ đệm sắt Ray P43-33 (dài 12,5m)	Tà vẹt gỗ không đệm sắt	
					Ray P33-30 (dài 12m)	Ray P26-25-24 (dài 10m)
SE.411	Đặt đường sắt khổ 1,00m, tà vẹt gỗ	<i>Vật liệu</i>				
		Ray	m	200	200	200
		Tà vẹt	cái	145	151	162
		Lập lách	đôi	16	17	20
		Bulông+rông đen	cái	97	68	81
		Bản đệm	cái	289	-	-
		Đinh crămpông	cái	877	913	974
		Vật liệu khác	%	0,5	0,5	0,5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	<i>công</i>	65,73	52,32	49,56
				11	21	22

⁶⁰ Nội dung hướng dẫn áp dụng định mức đặt đường sắt bằng thủ công có mã hiệu SE.40000 đã được bổ sung theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

⁶¹ Định mức có mã hiệu SE.41100 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

SE.41200 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ 1,00M, TÀ VỆT SẮT⁶²

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tà vệt sắt Ray P26-25-24 (dài 10m)
SE.412	Đặt đường sắt khổ 1,00m, tà vệt sắt	<i>Vật liệu</i>		
		Ray	m	200
		Tà vệt	cái	150
		Lập lách	đôi	20
		Bulông+rông đen	cái	81
		Cóc+bulông cóc	cái	609
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	37,60
				11

SE.41300 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ 1,00M, TÀ VỆT BÊ TÔNG⁶³

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tà vệt bê tông	
				Ray P43 (dài 12,5m)	Ray P38 (dài 12,5m)
SE.413	Đặt đường sắt khổ 1,00m, tà vệt bê tông	<i>Vật liệu</i>			
		Ray	m	200	200
		Tà vệt	cái	145	145
		Lập lách	đôi	16	16
		Bulông+rông đen	cái	97	97
		Cóc+bulông cóc	cái	585	585
		Sắt đệm gót cóc	cái	585	585
		Sắt chữ U	cái	585	585
		Đệm cao su	cái	292	292
		Vật liệu khác	%	0,5	0,5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	124,69	123,49
				11	12

⁶² Định mức có mã hiệu SE.41200 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

⁶³ Định mức có mã hiệu SE.41300 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

SE.42000 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ RỘNG 1,435M

SE.42100 ĐẶT ĐƯỜNG SẮT KHỔ 1,435m, TÀ VỆT GỖ ĐỆM SẮT⁶⁴

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ray P43-33 (dài 12,5m)
SE.421	Đặt đường sắt khổ 1,435m, tà vẹt gỗ đệm sắt	<i>Vật liệu</i>		
		Ray	m	200
		Tà vẹt	cái	162
		Lập lách	đôi	16
		Bulông+rông đen	cái	97
		Bản đệm	cái	322
		Đinh crămpông	cái	974
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	85,23
				11

SE.43000 ĐẶT ĐƯỜNG LÔNG

SE.43100 ĐẶT ĐƯỜNG LÔNG, TÀ VỆT GỖ ĐỆM SẮT⁶⁵

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ray P43-33 (dài 12,5m)
SE.431	Đặt đường lòng, tà vẹt gỗ đệm sắt	Vật liệu		
		Ray	m	300
		Tà vẹt	cái	160
		Lập lách	đôi	24
		Bulông+rông đen	cái	146
		Bản đệm	cái	480
		Đinh crămpông	cái	1440
		Vật liệu khác	%	0,5
		Nhân công 4,0/7	công	108,13
				11

⁶⁴ Định mức có mã hiệu SE.42100 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

⁶⁵ Định mức có mã hiệu SE.43100 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 1 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

SE.44000 SỬA CHỮA CÁC PHỤ KIỆN ĐƯỜNG SẮT

SE.44100 LẮP THANH GIẪNG CỰ LY CHO ĐƯỜNG 1,00M VÀ 1,435M

Thành phần công việc:

- Lắp thanh giằng cự ly đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Vận chuyển thanh giằng và phụ kiện trong phạm vi 1500m.

Đơn vị tính: 1km đường sắt có thanh giằng

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại 5 thanh giằng cho 1 cầu ray	Loại 3 thanh giằng cho 1 cầu ray
SE.441	Lắp thanh giằng	<i>Vật liệu</i> Thanh giằng sắt 25 và phụ kiện <i>Nhân công 4,0/7</i>	bộ công	400 31,90	240 19,10
				10	20

SE.44200 LẮP THIẾT BỊ PHÒNG XÔ CHO ĐƯỜNG 1,00M VÀ 1,435M

Đơn vị tính: 1km có phòng xô

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Dốc ≤ 5% 2 chiều	Dốc > 5% 1 chiều	Tàu hãm trước ga 1 chiều	Phòng xô cho 1 bộ ghi
SE.442	Lắp thiết bị phòng xô	<i>Vật liệu</i> Ngăn phòng xô Gỗ phòng xô 100x100x700 <i>Nhân công 4,0/7</i>	cái thanh công	640 960 29,90	640 1920 47,90	320 960 23,90	24 12 1,20
				10	20	30	40

SE.44300 LẮP GIÁ RAY DỰ PHÒNG

Đơn vị tính: 1km đường các loại

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
SE.443	Lắp giá ray dự phòng	<i>Vật liệu</i> Ray dự phòng Lập lách Trụ (BT đúc sẵn) 150x320x720 <i>Nhân công 4,0/7</i>	thanh đôi cái công	2 1 2 1,20
				10

SE.44400 ĐẶT CÁC LOẠI GHI

Thành phần công việc :

Đặt hoàn chỉnh 1 bộ ghi và phụ kiện đúng yêu cầu kỹ thuật.

SE.44410 ĐẶT GHI ĐƯỜNG SẮT KHỔ RỘNG 1,00M. RAY P43, P38

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tg1/10 dài 21,414m	Tg1/10 dài 24,00m	Tg1/9 dài 22,312m
SE.444	Đặt ghi đường sắt khổ 1,00m	<i>Vật liệu</i> Ghi và phụ kiện Tà vệt gỗ Đinh crămpông Vật liệu khác <i>Nhân công 4,0/7</i>	bộ thanh cái % công	1 57 590 0,5 73,0	1 51 540 0,5 73,0	1 49 520 0,5 73,0
				11	12	13

SE.44420 ĐẶT GHI ĐƯỜNG SẮT KHỔ RỘNG 1,435M.

SE.44430 ĐẶT GHI ĐƯỜNG LỒNG RAY P43, P38

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đặt ghi đường 1,435m Ray P43 Tg1/10 dài 34,41m	Đặt ghi đường lồng P43-38	
					Tg1/10 dài 24,552m	Tg1/9 dài 24,552m
SE.444	Đặt ghi đường sắt khổ 1,435m	<i>Vật liệu</i> Ghi và phụ kiện Tà vệt gỗ	bộ thanh	1 75	1 59	1 60
SE.444	Đặt ghi đường lồng	Đinh crămpông Vật liệu khác <i>Nhân công 4,0/7</i>	cái % công	634 0,5 78,5	688 0,5 97,7	680 0,5 97,7
				21	31	32

PHỤ BẢN: SỐ LƯỢNG - CHIỀU DÀI TÀ VỆT CHO CÁC LOẠI GHI

Số thứ tự	Số lượng và chiều dài tà vẹt (m)	LOẠI GHI					
		A. ĐƯỜNG 1,00M					B. ĐƯỜNG 1,435M
		Ghi P43 tg 1/10 dài 24,414m	Ghi P43 tg1/10 dài 21,006m	Ghi P43 tg 1/9 dài 22,312m	Ghi P38 tg1/10 dài 24,414m	Ghi P43 tg 1/9 dài 24,414m	Ghi P43 tg1/10 dài 31,414m
1	2,00	5	5	5	5	5	-
2	2,10	9	11	9	9	9	-
3	2,30	12	8	6	12	6	-
4	2,50	5	5	6	5	6	-
5	2,60	-	-	-	-	-	12
6	2,70	5	6	6	5	6	-
7	2,75	-	-	-	-	-	8
8	2,90	4	3	4	4	4	10
9	3,05	-	-	-	-	-	5
10	3,10	3	3	3	3	3	-
11	3,20	-	-	-	-	-	5
12	3,30	3	3	4	3	4	-
13	3,35	-	-	-	-	-	3
14	3,50	5	3	4	5	4	4
15	3,60	-	2	-	-	-	-
16	3,65	-	2	2	-	2	3
17	3,70	3	-	-	3	-	-
18	3,80	-	-	-	-	-	3
19	3,90	3	-	-	3	-	-
20	3,95	-	-	-	-	-	5
21	4,10	-	-	-	-	-	3
22	4,14	-	-	-	-	-	-
23	4,25	-	-	-	-	-	2
24	4,40	-	-	-	-	-	3
25	4,41	-	-	-	-	-	-
26	4,55	-	-	-	-	-	3
27	4,59	-	-	-	-	-	-
28	4,70	-	-	-	-	-	3
29	4,83	-	-	-	-	-	3
Tổng số tà vẹt :		57	51	19	37	19	75

SE.45000 LÀM NỀN ĐÁ BA LÁT

Thành phần công việc:

Xúc đá, xăm chèn đá, làm băng kết theo yêu cầu kỹ thuật.

SE.45100 LÀM NỀN ĐÁ BA LÁT CÁC LOẠI ĐƯỜNG⁶⁶

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tà vệt gỗ		Tà vệt sắt	Tà vệt bê tông
				Đường 1,00m	Đường 1,435 m		
SE.451	Làm nền đá ba lát các loại đường	<i>Vật liệu</i>	m ³ công				
		Đá ba lát		1,15	1,15	1,15	1,15
		<i>Nhân công 3,5/7</i>		0,98	1,01	1,10	1,03
				11	12	21	31

SE.45200 LÀM NỀN ĐÁ BA LÁT CÁC LOẠI GHI⁶⁷

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ghi đường 1,00m	Ghi đường 1,435m
SE.452	Làm nền đá ba lát các loại ghi	<i>Vật liệu</i>	m ³ công		
		Đá ba lát		1,15	1,15
		<i>Nhân công 3,5/7</i>		1,10	1,20
				10	20

⁶⁶ Định mức có mã hiệu SE.45100 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 2 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

⁶⁷ Định mức có mã hiệu SE.45200 đã được sửa đổi theo qui định tại mục 2 Phụ lục III Thông tư số 09/2024/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.